

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI HỒ CHÍ MINH
XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CỬ CHI

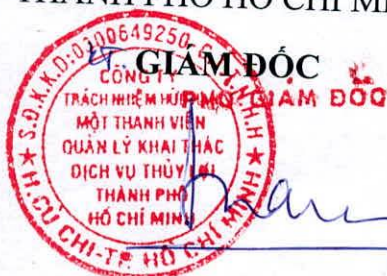
BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

Công trình: Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ năm 2025 (Công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi và N31A Bến Mương – Láng The).

Hạng mục: Sửa chữa các tuyến kênh N40-4, kênh N31A-1, kênh T31A-1, kênh N25-2-8, kênh N38-4-1 và kênh T31A-17.

Địa điểm xây dựng: xã Thái Mỹ và xã Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ
KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Bùi Kinh Luân

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI - XÍ NGHIỆP QUẢN LÝ KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CỬ CHI



Nguyễn Bá Vinh

I. THUYẾT MINH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

CHƯƠNG 1: TỔNG QUÁT

1.1. Tổng quát

- **Công trình:** Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ năm 2025 (Công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi và N31A Bến Mương – Láng The).

- **Hạng mục:** Sửa chữa các tuyến kênh N40-4, kênh N31A-1, kênh T31A-1, kênh N25-2-8, kênh N38-4-1 và kênh T31A-17.

- **Địa điểm xây dựng:** xã Thái Mỹ và xã Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đơn vị khai thác công trình:** Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đơn vị lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật:** Chi nhánh Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Củ Chi.

- **Thời gian lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật:** 10 ngày.

1.2. Các căn cứ để lập Báo cáo Kinh tế kỹ thuật:

Căn cứ Luật Xây dựng số: 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi số: 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Luật số: 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số: 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/05/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số: 14/2021/TT-BXD ngày 08/09/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số: 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số: 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng;

Căn cứ Thông tư số: 10/2021/TT-BXD ngày 25/08/2021 của Bộ Xây dựng về

việc hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số: 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số: 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 852/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số: 1600/QĐ-UBND ngày 24/04/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh Quyết định số: 1474/QĐ-UBND ngày 04/05/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc giao quản lý và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số: 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số: 2966/QĐ-UBND ngày 21 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố đơn giá xây dựng công trình khu vực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số: 1491/QĐ-SXD-KT&VLXD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số: 281/SNN-CCTL ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 thuộc phạm vi quản lý của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số: 166/QĐ-CTY ngày 24/04/2020 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Quyết định số: 286/QĐ-CTY ngày 21/09/2020 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Quyết định số: 118/QĐ-CTY ngày 03/07/2021 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy trình Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ bảo trì và quyết toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Công văn số: 68/CTY-TN ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi về việc tổng hợp, trình phê duyệt Danh mục và Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 thuộc phạm vi quản lý của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi;

Căn cứ Báo cáo số: 139/BC-XN ngày 27 tháng 05 năm 2025 của Xí nghiệp Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Củ Chi về hiện trạng kênh T31A-17 tại vị trí K0+900 đã được Ban Giám đốc Công ty đồng ý phê duyệt chủ trương sửa chữa;

Căn cứ Quyết định số: 43/QĐ-CTY ngày 10/01/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 cho đơn vị Xí nghiệp Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Củ Chi;

Căn cứ Biên bản hiện trường về việc kiểm tra hạng mục công trình: Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ năm 2025 (Công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi và N31A Bến Mương – Láng The) giữa Xí nghiệp QLKT CTTL Củ Chi, phòng Kỹ thuật và phòng Thủy nông ngày 02 tháng 07 năm 2025.

1.3. Quy mô công trình

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp & PTNT - thủy lợi.
- Cấp công trình: cấp IV.
- Quy mô thiết kế công trình:
 - **Kênh N40-4:** Tổng chiều dài $L = 600\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT U80 và diện tích phục vụ là 20,30 ha.
 - **Kênh N31A-1:** Tổng chiều dài $L = 535\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT hình chữ nhật có kích thước $B \times H = (50 \times 60)\text{cm}$ và diện tích phục vụ là 13,50 ha.
 - **Kênh T31A-1:** Tổng chiều dài $L = 1.200\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT hình chữ nhật có kích thước $B \times H = (60 \times 90)\text{cm}$ và diện tích phục vụ là 20,30 ha.
 - **Kênh N38-4-1:** Tổng chiều dài $L = 360\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT hình chữ nhật có kích thước $B \times H = (40 \times 50)\text{cm}$ và diện tích phục vụ là 8,00 ha.
 - **Kênh N25-2-8:** Tổng chiều dài $L = 1.120\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT mặt cắt hình chữ nhật có kích thước $B \times H = (50 \times 60)\text{cm}$ và diện tích phục vụ là 9,80 ha.
 - **Kênh T31A-17:** Tổng chiều dài $L = 3.271\text{m}$ diện tích phục vụ là 152,40 ha.

CHƯƠNG 2: ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT SỬA CHỮA

2.1. Hiện trạng các hạng mục

- **Kênh N40-4:** Tổng chiều dài $L = 600\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT U80. Hiện nay kênh bị hư hỏng đoạn từ K0+250 – K0+262, $L=12,0\text{m}$ và đoạn K0+292 – K0+310, $L = 18\text{m}$.

- **Kênh N31A-1:** Tổng chiều dài $L = 535\text{m}$ được kiên cố hóa bằng BTCT hình

chữ nhật có kích thước BxH = (50x60)cm. Hiện nay kênh bị hư hỏng đoạn từ K0+140 -K0+172, L=32m. Cống tiêu luồn qua kênh tại K0+156, D60cm, L=6m bị hư hỏng, rò rỉ nước.

- **Kênh T31A-1:** Tổng chiều dài L = 1.200m được kiên cố hóa bằng BTCT hình chữ nhật có kích thước BxH = (60x90)cm. Hiện nay kênh bị hư hỏng đoạn từ K0+140 -K0+172, L=32m.

- **Kênh N38-4-1:** Tổng chiều dài L = 360m được kiên cố hóa bằng BTCT hình chữ nhật có kích thước BxH = (40x50)cm. Hiện tại cống đầu kênh D30cm, L=6m bị hư hỏng, rò rỉ nước.

- **Kênh N25-2-8:** Tổng chiều dài L = 1.120m được kiên cố hóa bằng BTCT mặt cắt hình chữ nhật có kích thước BxH = (50x60)cm. Hiện nay cống qua đường tại vị trí K0+885 D40, L=14m bị hư hỏng, rò rỉ nước.

- **Kênh T31A-17:** Tổng chiều dài L = 3271m, hiện nay tại vị trí K0+900-K0+930 bờ kênh 2 bên bị sạt lở.

2.2. Sự cần thiết phải sửa chữa

Với hiện trạng công trình như đã nói ở trên để giải quyết tình trạng của các tuyến kênh và đồng bộ hệ thống công trình thủy lợi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tiết nước, vận hành công trình việc sửa chữa các tuyến kênh như trên là cần thiết.

CHƯƠNG 3: MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, BIỆN PHÁP XÂY DỰNG VÀ ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

3.1. Mục tiêu sửa chữa:

Đảm bảo an toàn công trình các hạng mục đề xuất sửa chữa trong mùa mưa lũ năm 2025 để các tuyến kênh tưới đảm bảo khả năng dẫn nước phục vụ sản xuất của người dân cũng như các tuyến kênh tiêu đáp ứng khả năng tiêu thoát nước trên các khu vực góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tiết quản lý vận hành công trình.

3.2. Nhiệm vụ của công trình:

Sửa chữa, khắc phục các hư hỏng của từng hạng mục phù hợp với hiện trạng, mục tiêu, nhiệm vụ của công trình và đảm bảo an toàn chung cho cả hệ thống công trình góp phần duy trì dòng chảy ổn định, thông suốt trong kênh mương không gây ngập úng, tràn nước ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

3.3. Phân tích và lựa chọn giải pháp xây dựng và biện pháp công trình:

Căn cứ vào quy mô thiết kế và hiện trạng công trình, giải pháp sửa chữa được đề xuất là:

- **Kênh N40-4:** kênh bê tông cốt thép U80 bị hư hỏng, giải pháp là sửa chữa đoạn kênh tại vị trí hư hỏng bằng bê tông cốt thép hình chữ nhật kích thước (80x100)cm.

- **Kênh N38-4-1:** Cống đầu kênh bị hư hỏng, giải pháp là sửa chữa bằng cống

BTCT D30cm, L=6,0m.

- **Kênh N25-2-8:** Công qua đường tại K0+885 bị hư hỏng, giải pháp là sửa chữa bằng công BTCT D40cm, L=14m.

- **Kênh N31A-1 và T31A-1:** kênh bê tông cốt thép hình chữ nhật hiện nay bị hư hỏng tại một số vị trí, công tiêu luôn qua kênh N31A-1 và T31A-1 bị hư hỏng, giải pháp là sửa chữa kênh N31A-1 và kênh T31A-1 tại các vị trí hư hỏng bằng bê tông cốt thép theo quy mô, thông số kỹ thuật hiện hữu, bên cạnh đó sửa chữa công tiêu luôn hiện hữu qua 2 tuyến kênh bằng ống công BTCT D60cm, L=6m.

- **Kênh T31A-17:** Kênh đất bị sạt lở, giải pháp sửa chữa là đắp đất 02 mái kênh và gia cố bằng rọ đá đáy kênh, 2 mái kênh.

CHƯƠNG 4: QUY MÔ CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA

- **Kênh N38-4-1:** Sửa chữa công đầu kênh D30cm, L=6,0m bằng ống công bê tông cốt thép ly tâm.

- **Kênh N40-4:** Sửa chữa kênh bê tông cốt thép hình chữ nhật kích thước BxH=(80x100)cm đoạn từ K0+250 – K0+262, L=12,0m và đoạn K0+292 – K0+310, L = 18m bằng BTCT M200, đá 1x2.

- **Kênh N31A-1:** Sửa chữa kênh bê tông cốt thép hình chữ nhật kích thước BxH=(50x60)cm đoạn từ K0+140 – K0+172, L=32,0m bằng BTCT M200, đá 1x2. Và sửa chữa công tiêu luôn qua kênh bằng ống công bê tông cốt thép ly tâm D60cm, L=6,0m.

- **Kênh T31A-1:** Sửa chữa kênh bê tông cốt thép hình chữ nhật kích thước BxH=(60x90)cm đoạn từ K0+140 – K0+172, L=32,0m bằng BTCT M200, đá 1x2.

- **Kênh N25-2-8:** Sửa chữa công qua đường tại vị trí K0+885, D40cm, L=14,0m bằng ống công bê tông cốt thép ly tâm.

- **Kênh T31A-17:** Đắp đất gia cố 02 mái kênh kết hợp thảm đá 2 mái kênh và bản đáy bằng rọ đá, L=30m.

CHƯƠNG 5: TIÊU CHUẨN THIẾT KẾ VÀ GIẢI PHÁP THIẾT KẾ

5.1. Các tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:

- QCVN 04 - 05:2022/BNN&PTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai – Phần 1 – CTTL – Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- TCVN 4253:2012 - Công trình thủy lợi - Nền các công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 9343-2012 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - hướng dẫn công tác bảo trì;

- TCVN 5575:2024 – Thiết kế kết cấu thép;

- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

5.2. Phân tích lựa chọn phương án bố trí mặt bằng tổng thể:

- Mặt bằng là mặt bằng tuyến hiện hữu.

5.3. Vấn đề môi trường nước trước, trong khi và sau khi xây dựng công trình và các biện pháp giảm thiểu:

- **Thu gom phế thải khi thi công công trình:** Trên công trường phải thu gom chất thải hàng ngày và vận chuyển, xử lý theo quy định.

- **An toàn vệ sinh trong thi công và bảo vệ công trình xây dựng:** Trên công trường xây dựng, thực hiện những quy định về an toàn, về vệ sinh và an toàn lao động theo QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng.

CHƯƠNG 6: CHỈ DẪN THI CÔNG VÀ TIẾN ĐỘ THI CÔNG

6.1. Công tác thi công các hạng mục công trình

6.1.1. Công tác chuẩn bị xây dựng công trình:

- Trước khi thi công đơn vị thi công xây dựng chuẩn bị cơ sở cấp pha, cốt thép, bãi tập kết vật tư, vật liệu, trạm trộn, các hạng mục phục vụ thi công khác như đường thi công, mặt bằng tập kết xe máy thiết bị, đường điện thi công.

- Chuẩn bị vật liệu: các vật liệu chính như xi măng, cát, đá, sắt thép.

- Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, bố trí bộ máy quản lý điều hành và thi công trên công trường.

- Chuẩn bị và huy động đầy đủ xe máy thiết thi công (ô tô vận chuyển, máy phát điện, máy bơm, máy hàn, máy trộn bê tông,...) để triển khai thi công.

6.1.2. Trình tự thi công:

- Thi công kênh BTCT hình chữ nhật:

+ Thi công dọn dẹp giải phóng mặt bằng trong phạm vi tuyến công trình.

+ Đo đạc, định vị tim tuyến công trình.

+ Thi công phá dỡ kết cấu hiện hữu.

+ Thi công đào kênh.

+ Gia công lắp dựng ván khuôn.

+ Đổ bê tông cốt thép bản đáy + tường.

+ Đắp đất kênh bằng thủ công.

+ Kiểm tra, chỉnh sửa hoàn thiện, nghiệm thu, bàn giao công trình.

- Thi công cống đầu kênh, cống tiêu luân, cống qua đường:

+ Thi công dọn dẹp giải phóng mặt bằng trong phạm vi tuyến công trình.

+ Đo đạc, định vị tim tuyến công trình.

+ Thi công phá dỡ kết cấu hiện hữu.

+ Thi công đào đất.

+ Gia công lắp dựng ván khuôn.

+ Đổ bê tông bản đáy cống, tường đầu.

+ Lắp đặt ống cống ly tâm, đổ bê tông chèn hông.

- + Gia công lắp dựng ván khuôn.
- + Đổ bê tông tường đầu công.
- + Đắp đất lưng công bằng thủ công.
- + Kiểm tra, chỉnh sửa hoàn thiện, nghiệm thu, bàn giao công trình.

- Thi công đắp đất, gia cố đáy kênh, mái kênh bằng rọ đá:

- + Thi công dọn dẹp giải phóng mặt bằng trong phạm vi tuyến công trình.
- + Đo đạc, định vị tim tuyến công trình.
- + Thi công đắp đất mái kênh.
- + Thi công rọ đá trên cạn.
- + Gia công lắp đặt rọ đá.
- + Kiểm tra, chỉnh sửa hoàn thiện, nghiệm thu, bàn giao công trình.

6.2. Yêu cầu về vật liệu

Các loại vật liệu chủ yếu sử dụng trong công trình bao gồm: cát, đá, xi măng, sắt thép, đất đắp, các cấu kiện chế tạo, gia công, đúc sẵn....

6.2.1. Xi măng

- Xi măng dùng cho việc đổ bê tông và vữa là loại xi măng Portland của nhà máy xi măng Cẩm Phả hoặc tương đương. Quá trình sử dụng yêu cầu các tiêu chuẩn kỹ thuật sau: thỏa mãn tiêu chuẩn TCVN-2682-2020.

6.2.2. Đá dăm đổ bê tông

- Thực hiện theo quy định tại TCVN 7570:2006-Cốt liệu cho bê tông và vữa – yêu cầu kỹ thuật và TCVN 7572:2006 – Cốt liệu cho bê tông và vữa – Phương pháp thử.

6.2.3. Cát đổ bê tông

- Cát dùng đổ bê tông và vữa dùng trong xây dựng tuân thủ theo TCVN 7570:2006 - cốt liệu cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật và TCVN 7572:2006 - Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử.

6.2.4. Thép các loại

- Thép sử dụng trong công tác bê tông có cốt thép là loại CI, CII của các nhà máy Việt Nam hoặc nước ngoài, nguồn cung cấp là các địa điểm cửa hàng cung ứng vật tư.

- Thép hình: dùng thép CT3.

6.3. Tiến độ thi công:

- Tiến độ thi công dự kiến: 60 ngày.

6.4. Các phương án đảm bảo chất lượng trong thi công

Thực hiện công tác thi công và nghiệm thu từng phần đúng quy định tại Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về việc quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng cũng như các quy định khác của các cơ quan có thẩm quyền các cấp.

CHƯƠNG 7: KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG, DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

7.1. Tổng hợp khối lượng xây dựng

STT	Danh mục công tác xây dựng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
1./	Kênh N40-4: Đoạn từ K0+250 - K0+262, L=12m và đoạn từ K0+292-K0+310, L=18m; Sửa chữa kênh BTCT BxH=(80x100)cm, L=30m		30,000	
1	Phá dỡ kênh bê tông cốt thép cũ	m3	3,900	
2	Đào đất kênh bằng thủ công đất cấp II	m3	9,600	
3	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công	m3	34,725	
4	Đất chọn lọc	m3	28,598	
5	Gia cố nền đất yếu bằng đá 4x6 chèn đá dăm dày 20cm	100m2	0,960	
6	Bê tông lót bản đáy M150 đá 1x2 dày 5cm	m3	1,800	
7	Bê tông bản đáy M200 đá 1x2 dày 15cm	m3	4,950	
8	Bê tông tường M200 đá 1x2 dày 15cm	m3	9,000	
9	Giấy dầu tấm nhựa đường	m2	3,488	
10	SXLD & TD ván khuôn gỗ bản đáy	100m2	0,115	
11	SXLD & TD ván khuôn kim loại tường	100m2	1,245	
12	SXLD cốt thép kênh chữ nhật D=10mm	100kg	3,042	
13	SXLD cốt thép kênh chữ nhật D=6mm	100kg	1,181	
2./	Kênh N31A-1: Đoạn từ K0+140-K0+172, Sửa chữa kênh BTCT BxH=(60x60)cm, L=32m		32,000	
1	Phá dỡ kênh bê tông cốt thép cũ	m3	4,480	
2	Đào đất kênh bằng thủ công đất cấp II	m3	5,764	
3	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công	m3	24,843	
4	Đất chọn lọc	m3	21,563	
5	Bê tông lót bản đáy M150 đá 1x2 dày 5cm	m3	1,440	
6	Bê tông bản đáy M200 đá 1x2 dày 10cm	m3	2,560	
7	Bê tông tường M200 đá 1x2 dày 10cm	m3	3,840	
8	Giấy dầu tấm nhựa đường	m2	1,800	
9	SXLD & TD ván khuôn gỗ bản đáy	100m2	0,077	
10	SXLD & TD ván khuôn kim loại tường	100m2	0,394	
11	SXLD cốt thép kênh chữ nhật D=10mm	100kg	2,094	
12	SXLD cốt thép kênh chữ nhật D=6mm	100kg	0,910	
3./	Kênh T31A-1 ,Đoạn từ K0+140-K0+172, Sửa chữa kênh BTCT BxH=(60x90)cm, L=32m		32,000	
1	Phá dỡ kênh bê tông cốt thép cũ	m3	4,160	
2	Đào đất kênh bằng thủ công đất cấp II	m3	0,893	
3	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công	m3	15,159	
4	Đất chọn lọc	m3	15,782	
5	Bê tông lót bản đáy M150 đá 1x2 dày 5cm	m3	1,440	
6	Bê tông bản đáy M200 đá 1x2 dày 10cm	m3	2,560	
7	Bê tông tường M200 đá 1x2 dày 10cm	m3	5,760	
8	Giấy dầu tấm nhựa đường	m2	2,340	
9	SXLD & TD ván khuôn gỗ bản đáy	100m2	0,077	

STT	Danh mục công tác xây dựng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
10	SXLD & TD ván khuôn kim loại tường	100m ²	1,181	
11	SXLD cốt thép kênh chữ nhật D=10mm	100kg	2,716	
12	SXLD cốt thép kênh chữ nhật D=6mm	100kg	1,190	
4./	N31A-1, T31A-1: Sửa chữa cống tiêu luôn D60cm, L=6,0m tại K0+156		6,000	
1	Đào đất bằng thủ công đất cấp II	m ³	17,625	
2	Đắp đất bằng thủ công	m ³	19,342	
3	Đất chọn lọc	m ³	3,651	
4	Bê tông lót bản đáy M150 đá 4x6	m ³	0,803	
5	Bê tông bản đáy M200 đá 1x2	m ³	2,175	
6	Bê tông tường M200 đá 1x2	m ³	0,655	
7	LD & TD ván khuôn gỗ bản đáy	100m ²	0,046	
8	LD & TD ván khuôn tường	100m ²	0,093	
9	Lắp đặt ống cống D300mm, 1 đoạn ống dài 4,0m	đoạn ống	1,500	
5./	N38-4-1. Tại vị trí K0: Sửa chữa cống đầu kênh D30cm, L=6,0m		6,000	
1	Đào đất bằng thủ công đất cấp II	m ³	10,916	
2	Bê tông lót bản đáy M150 đá 4x6	m ³	0,504	
3	Bê tông bản đáy M200 đá 1x2	m ³	1,486	
4	Bê tông tường M200 đá 1x2	m ³	0,440	
5	LD & TD ván khuôn gỗ bản đáy	100m ²	0,038	
6	LD & TD ván khuôn tường	100m ²	0,048	
7	Lắp đặt ống cống D300mm, 1 đoạn ống dài 4,0m	đoạn ống	1,500	
8	Đắp đất bằng thủ công	m ³	23,208	
9	Lắp đặt bộ thiết bị đóng mở D300mm	bộ	1,000	
6./	Kênh N25-2-8: Tại vị trí K0+885: Sửa chữa cống qua đường D40cm, L=14m		14,000	
1	Đào đất cống qua đường bằng thủ công	m ³	60,568	
2	Đắp đất bằng thủ công	m ³	59,229	
3	Bê tông lót M150 đá 4x6 dày 10cm	m ³	1,702	
4	Bê tông móng M200 đá 1x2	m ³	2,274	
5	Bê tông tường M200 đá 1x2	m ³	1,611	
6	Ván khuôn gỗ bản đáy	100m ²	0,035	
7	Ván khuôn tường	100m ²	0,101	
8	Lắp đặt ống cống D400, 1 đoạn ống L=4m	đoạn ống	3,500	
9	Lắp đặt joint cao su D400mm	cái	3,000	
10	Gia cố lớp dưới mặt đường bằng cấp phối đá dăm dày 20cm	100m ³	0,089	
11	Tái lập mặt đường bằng bê tông nhựa dày 5cm	100m ²	0,447	
7./	Gia cố 02 bờ kênh T31A-17 tại K0+900-K0+930, L=30m		30,000	
1	Đắp bờ kênh mương bằng thủ công	m ³	91,500	

STT	Danh mục công tác xây dựng	ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
2	Đất chọn lọc	m3	91,500	
3	Gia cố nền đất yếu rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình	100m2	2,100	
4	Đá hộc	m3	63,000	
5	GC và LD rọ đá kích thước 2x1x0,3m	rọ	75,000	

7.2. Dự toán kinh phí xây dựng:

- Giá trị dự toán xây dựng: **488.935.000 đồng**

(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tám triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

(Đính kèm dự toán xây dựng chi tiết)

7.3. Nguồn kinh phí và thời gian thực hiện

7.3.1. **Nguồn vốn:** Nguồn tài chính trong quản lý, khai thác CTTL năm 2025.

7.3.2. **Thời gian thực hiện:** Quý III - IV năm 2025.

CHƯƠNG 8: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

8.1. Kết luận

Việc đầu tư kinh phí sửa chữa công trình: “Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ năm 2025 (Công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi và N31A Bến Mương – Láng The)” là rất cần thiết, phục vụ cho việc tưới tiêu nội đồng phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp.

Với quy mô thiết kế, đầu tư sửa chữa như đã trình bày ở trên là phù hợp với nhu cầu phục vụ tưới tiêu cho khu vực, công trình có tính ổn định lâu dài và bền vững.

8.2. Kiến nghị

Từ những kết quả phân tích, đánh giá trên, kiến nghị Ban Giám đốc Công ty xem xét, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa thường xuyên tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ năm 2025 (Công trình thủy lợi kênh Đông Củ Chi và N31A Bến Mương – Láng The). để Xí nghiệp sớm triển khai thực hiện./.

NGƯỜI LẬP



Phan Nguyễn Cao Nguyên